

Số:.... /KH-THBL

Bắc Lệnh, ngày 28 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIAI ĐOẠN 2022-2027

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật số 43/2019/ QH 14 ngày 14/6/2019 ban hành Luật Giáo dục Việt Nam
- Nghị định 71/2020/NĐ-CP quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS
- Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.
- Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.
- Thông tư số 27/2017/TT-BGDĐT ngày 08/11/2017 quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và cử GV làm tổng phụ trách đội thiếu niên tiền phong HCM trong các cơ sở GDPT công lập;
- Thông tư 29/2017/TT-BGDĐT Ban hành quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập.
- Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.
- Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường TH;
- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT, ban hành CTGDPT tổng thể và chương trình các môn học, hoạt động giáo dục
- Thông tư số 27/2020/TT- BGDĐT về kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục học sinh Tiểu học;
- Thông tư số 28/2020/TT- BGDĐT về việc ban hành Điều lệ trường Tiểu học;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của nhà nước;
- Văn bản số 03/2017/VBHN- BGDĐT quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;
- Căn cứ VB số 2345/BGD&ĐT về XD KH giáo dục năm học 2021-2022;
- Căn cứ thực trạng đội ngũ GV, nhân viên, Trường tiểu học Bắc Lệnh-TP Lào Cai xây dựng KH bồi dưỡng đội ngũ giai đoạn 2022-2027 cụ thể như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Quy mô trường có 30 Lóp với 1133 học sinh

Tổng số CBGVNV: 49 (đến 01/10 có 01 GV tiếng Anh nghỉ hưu)

Tổng số giáo viên: 34

Tổng số nhân viên: 04

Tổng số CBQL: 03

1. Thực trạng đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý của nhà trường năm học 2022- 2023

Số lượng	Hiện có	Yêu cầu của CTGDPT 2018		
		Thừa	Thiếu	Cần bổ sung
Đội ngũ				
Cán bộ quản lý	03	không	không	không
Giáo viên Tiểu học	33	không	02	02
GV chuyên biệt, tự chọn	09	không	03	01 TA, 01 GV Tin học, 01 TD
Nhân viên	04	không	0	0
Tổng	49	Không	05	05

2.1 Những điểm mạnh:

- Về đội ngũ giáo viên:

+ Đa số giáo viên nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao với mọi công việc được giao; Giáo viên tâm huyết với nghề, yêu mến học sinh;

+ 90% giáo viên có trình độ Đại học, có 10% giáo viên có trình độ Cao đẳng;

+ Đa số giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tay nghề vững vàng;

+ Đa số giáo viên tích cực đổi mới phương pháp, kĩ thuật dạy học;

+ Đa số giáo viên ứng dụng tốt CNTT trong dạy học; tích cực thực hiện lớp học thông minh, lớp học kết nối và áp dụng dạy học theo GVI, lớp học đảo ngược, sơ đồ tư duy,...

+ Nhiều giáo viên dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục STEM, hoạt động dạy kĩ năng sống giá trị sống cho học sinh tốt;

+ Một số giáo viên có năng lực trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, tổ chức các sự kiện lớn của nhà trường;

+ Một số giáo viên sử dụng được một số câu lệnh tiếng Anh trong quá trình dạy học;

+ Một số giáo viên làm tốt công tác tham mưu với BGH về nhiệm vụ và trong tổ chức hoạt động của nhà trường;

-Về đội ngũ nhân viên:

+ Đa số nhân viên nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;

+ Ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ tương đối tốt;

+ Làm tốt công tác tham mưu với BGH về các hoạt động được phân công.

- Về CBQL:

+ 100% CBQL có trình độ Cao Đẳng trở lên (01 đ/c có trình độ Đại học; 02 đồng chí đang học nâng chuẩn); 100% CBQL có trình độ Trung cấp Lí luận chính trị; hiện tại đang có 01/03 đồng chí đang đi học Thạc sĩ chiếm tỉ lệ 33%;

+ Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tay nghề vững vàng; là nòng cốt chuyên môn trong nhà trường; là cốt cán chuyên môn cấp Thành phố, cấp Tỉnh;

+ 100% CBQL có nghiệp vụ quản lí tốt;

- + 100% CBQL tích cực đổi mới, luôn năng động, sáng tạo trong công việc;
- + 100% CBQL ứng dụng công nghệ thông tin tốt, sử dụng một số phần mềm trong quản lý, chỉ đạo;
- + CBQL làm tốt công tác tham vấn với Đảng ủy-chính quyền địa phương và Phòng GD&ĐT.

2.2. Những điểm yếu

-Về đội ngũ giáo viên:

- + Chưa có giáo viên Tiểu học dạy được Song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh);
- + Một số giáo viên đổi mới chưa mạnh mẽ, chưa quyết liệt;
- + Một số giáo viên vận dụng phương pháp dạy học hiện đại còn hạn chế;
- + Một số giáo viên ứng dụng CNTT trong dạy học hiệu quả chưa cao;
- + Một số giáo viên năng lực giáo dục khác, kỹ năng mềm còn hạn chế;
- + Đa số GV khả năng sử dụng ngoại ngữ còn hạn chế.

-Về đội ngũ nhân viên:

- + Nhân viên còn phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên nghiệp vụ chuyên môn trong nhiệm vụ kiêm nhiệm chưa được đào tạo, bồi dưỡng dẫn đến hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; Chưa linh hoạt, chưa sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.
- + Khả năng sử dụng ngoại ngữ còn hạn chế;

-Về CBQL:

- + Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp còn hạn chế.

2.3. Những cơ hội trong phát triển đội ngũ

- Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT tạo điều kiện để cho giáo viên đi học tập nâng cao trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn;
- Tại Lào Cai có phân hiệu Đại học Thái Nguyên nên thuận lợi về địa điểm học tập để nâng cao trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn (*giáo viên không phải đi học xa ở tỉnh khác*). Thuận lợi cho giáo viên, nhân viên về bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng nhân viên theo chức danh nghề nghiệp;
- Đảng ủy- HĐND-UBND phường Bắc Lệnh thường xuyên quan tâm đến mọi hoạt động của nhà trường, tạo điều kiện, ủng hộ quan điểm để phát triển đội ngũ nhà trường vững mạnh;

2.4. Những thách thức trong phát triển đội ngũ

- Yêu cầu của xã hội đặt ra ngày càng, cao đòi hỏi người giáo viên phải được trang bị nhiều kiến thức mới, phương pháp mới, yêu cầu phải biết về ngoại ngữ để hội nhập,....song đội ngũ nhà trường nhiều GV ở độ tuổi cao, phương pháp tạo lối mòn nên khó khăn trong việc thay đổi, cập nhật những nội dung hội nhập;
- Tỷ lệ giáo viên được giao chưa đảm bảo tỷ lệ để dạy học 2 buổi/ngày, giáo viên phải làm thừa giờ nhiều song không được thanh toán tiền thừa giờ, khó tạo động lực cho giáo viên làm việc.

3. Các vấn đề về phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý cần tập trung giải quyết trong giai đoạn 2022-2027

3.1. Trình độ giáo viên

- GV chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo (01GV) đang học để đạt chuẩn;
- Động viên giáo viên đi học tập để đạt trình độ trên chuẩn (Thạc sĩ);
- Động viên giáo viên đi học văn bằng 2 để dạy học được song ngữ và dạy được

Tin học Quốc tế IC3.

3.2. Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ

- Có nhiều giải pháp bồi dưỡng cho đội ngũ về phương pháp dạy học hiện đại, ứng dụng mô hình lớp học thông minh, bồi dưỡng các kỹ năng mềm khác cho giáo viên để đáp ứng thời đại xã hội hội nhập;

- Tham mưu với Phòng GD&ĐT đầu tư cho một số giáo viên trẻ, có chuyên môn vững vàng; có thể dạy được song ngữ và có trình độ trên chuẩn.

- Đề nghị với Phòng GD&ĐT tham mưu để có cơ chế hỗ trợ kinh phí cho GV học tập để nâng cao trình độ đạt trên chuẩn trong giai đoạn 2022-2027;

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ

1. Mục tiêu về số lượng, cơ cấu

Năm học Môn học	Số lượng hiện có 2022- 2023	Số lượng cân bổ sung (ghi dấu +), hay giảm đi (dấu -) theo các năm học so với hiện có				Năm học 2027-2028
		2023- 2024	2024- 2025	2025- 2026	2026- 2027	
Cán bộ quản lý	03	03	03	03	03	03
TS Giáo viên	42	45	45	45	45	45
GV Tiểu học	33	35	35	35	35	35
GV Mỹ thuật	1	1	1	1	1	1
GV Âm nhạc	1	1	1	1	1	1
GV Thể chất	1	2	2	2	2	2
GV tiếng Anh	3	3	3	3	3	3
GV Tin học	1	2	2	2	2	2
TPT Đội	1	1	1	1	1	1
Nhân viên	4	4	4	4	4	4
Tổng	49	52	52	52	52	52

Về cơ cấu trình độ đào tạo: Về cơ cấu giáo viên dạy các môn học, nhân viên theo vị trí việc làm:

2. Mục tiêu chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giai đoạn 2022- 2027 đáp ứng CTGDPT 2018 cấp tiểu học

+ 95% GV có kỹ năng tuyên truyền và phối hợp tốt với CMHS và các lực lượng trong và ngoài nhà trường.

+ 100% CB, GV, NV tự học ngoại ngữ, trong đó có 100% GV dạy tiếng Anh có trình độ 6.5 trở lên; 10% GV dạy học song ngữ; 50% CB, GV, NV có trình độ tương đương Tiếng Anh A2; số GV, NV giao tiếp tiếng Anh đơn giản.

+ 100% CB, GV, NV Ứng dụng công nghệ thông tin; 80%=30 giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, có phương pháp và kỹ thuật dạy học tốt; sử dụng thành thạo các phần mềm dạy học Kahoot, Qizzi, học liệu điện tử, googleform, ... phần mềm dạy học và thi trực tuyến và áp dụng mô hình lớp học thông minh vào giảng dạy; số GV còn lại tiếp cận và biết sử dụng.

+ 90% GV thực hiện được các tiết dạy học kết nối, 50% biết làm và sử dụng GA Enelening.

+ 90% GV áp dụng thành thạo các phương pháp dạy học tích cực lấy HS làm trung tâm, PP tiên tiến hiện đại, có thể tổ chức điều hành sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học cấp trường trở lên.

+ 50% GV tham gia các cuộc thi GV dạy giỏi cấp TP, cấp tỉnh và có GV tiếng Anh tham gia và đạt giải GV toàn cầu.

+ 10% CBQL và GV bồi dưỡng lí luận chính trị.

+ 100% đội ngũ được BD về ANQP đối tượng 3,4.

IV. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN

4.1. Nhóm giải pháp phát triển số lượng, cơ cấu đội ngũ GV, NV, CBQL

- Tham mưu với cơ quan quản lý có thẩm quyền bổ sung GV, NV, CBQL theo yêu cầu;

- Tham mưu với cơ quan có thẩm quyền đào tạo, bồi dưỡng giáo viên có khả năng giảng dạy được các môn theo hình thức tích hợp;

- Đề xuất cơ chế để hợp đồng giáo viên thỉnh giảng;

4.2. Nhóm giải pháp phân công sử dụng GV, NV, CBQL

- Phân công GV dạy các môn GDTC,.... nếu thiếu GV các môn này;

- Phân công các GV tham gia triển khai hoạt động trải nghiệm, thực hành (GVCN, Tổng phụ trách Đội, GV Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC,...);

Bảng phân công nhiệm vụ năm 2022-2023

(Kèm theo **QĐ số: 26/QĐ-THBL** ngày 06 tháng 9 năm 2022 về thành lập tổ chuyên môn và tổ văn phòng trường TH Bắc Lệnh năm học 2022-2023)

ST T	Họ và tên	Năm sinh	TĐ CM	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Trần Thị Liên	1973	ĐHSP	HT- PT chung + SHCM với khối 1	
2	Ngô Thị Thu Mai	1975	CĐSP	PHT - Phụ trách và SHCM với tổ khối 3,4,5.	
3	Nguyễn Thu Ngân	1974	CĐSP	PHT - Phụ trách CM và SHCM tổ khối 2 và C. biệt	
Tổ khối 1					
4	Đào Thị Bích Loan	1975	ĐHSP	GV 1A2 + TTCM khối 1, BDHSNK lớp 1; Phó Ban mô hình trường học TV: Ban Đổi mới - Sáng tạo - Hội nhập	
5	Lê Thị Quỳnh Nga	1981	ĐHSP	GV 1A1 + Phụ trách UDCNTT khối 1	
6	Lê Thị Phương Lan	1980	ĐHSP	GV 1A3 + Trưởng ban Ngoại giao.	TB NG
7	Lê Thị Thu Hà	1975	ĐHSP	GV 1A4 + TV ban Đời sống - Văn hoá - VN-TDĐT	
8	Nguyễn Thị Thanh Xuân	1976	ĐHSP	GV 1A5 + Thành viên Ban CSVC+ ATTH, LDVS	
9	Hoàng Thị Loan	1976	ĐHSP	GV 1A6 + Phụ trách tin bài K1 + Thành viên Ban CSVC+ ATTH, LDVS	
Tổ khối 2					
10	Triệu Thị Mai	1975	ĐHSP	GV 2A2 + TTCM Khối 2; BDHSNK, TV: Ban Đổi	

				mới - Sáng tạo - Hội nhập. Phụ trách tin bài khối 2	
11	Nguyễn Thu Hằng	1975	CĐSP	GV 2A1 + Thành viên ban CSVC – ATTH – LDVS.	
12	Nguyễn Minh Khôi	1976	ĐHSP	GV 2A3 + Thành viên ban CSVC – ATTH – LDVS	
13	Ma Thị Thu Hà	1975	CĐSP	GV 2A4 + Thành viên ban CSVC – ATTH – LDVS, ban đời sống.	
14	Bùi Thị Ngọc Hà	1977	CĐSP	GV 2A5 + Thành viên ban CSVC – ATTH – LDVS	
15	Trần Thị Bình	1978	CĐSP	GV 2A6 + Thành viên ban ngoại giao	
Tổ Khối 3					
16	Đặng Thị Mai Hương	1982	ĐHSP	GV 3A1 - TTCM, BDHSNK + Thành viên Ban Đổi mới - Sáng tạo - Hội nhập	
17	Hoàng Gia Lanh	1980	ĐHSP	GV 3A6 – Tổ phó CM - P trưởng ban, phụ trách tiểu ban 1 của ban CSVC – ATTH – LDVS.	
18	Vũ Tố Nga	1973	ĐHSP	GV lớp 3A2, BDHSNK + Thành viên Ban Đổi mới - Sáng tạo - Hội nhập	
19	Trịnh Thị Hồng	1977	ĐHSP	GV 3A3 + Thành viên ban CSVC – ATTH – LDVS	
20	Vũ Thị Minh Thanh	1969	ĐHSP	GV 3A4 + Trưởng ban CSVC – ATTH – LDVS	TB CS VC
21	Bê Thị Hường	1981	ĐHSP	GV 3A5 + Thành viên Ban ngoại giao	
22	Nguyễn Công Hưng	1978	ĐHSP	Day thay + Thành viên ban CSVC – ATTH – LDVS.	
Tổ Khối 4					
23	Trịnh Thị Nhung	1981	ĐHSP	GV lớp 4A1, TTCM+ BDHS NK Khối 4 + TB Ban Đổi mới - Sáng tạo - Hội nhập	TB Đ M
24	Vũ Thị Hương	1975	ĐHSP	GV 4A3 – Tổ phó CM+ Trưởng ban thư ký	TB TK
25	Lê Thị Kim Thoa	1981	ĐHSP	GV lớp 4A2 + TV: Ban Ngoại giao, Ban TĐTT	
26	Nguyễn Thị Thơm	1988	ĐHSP	GV 4A4 + Ban Đổi mới - Sáng tạo - Hội nhập. Thư ký chuyên môn.	
27	Đỗ Thị Hảo	1974	ĐHSP	GV 4A5 + Thành viên Ban ngoại giao.	
28	Bùi Thị Nhụ	1973	ĐHSP	GV 4A6 + Thành viên ban CSVC – ATTH – LDVS.	
29	Trần Thị Thúy Nga	1970	ĐHSP	Day thay + Thành viên ban CSVC – ATTH – LDVS.	
Tổ khối 5					
30	Lê Thị Thu Hường	1974	ĐHSP	GV 5A1 - TTCM, BDHSNK, trưởng ban Mô	TB

				hình trường học, Phó T Ban Đôi mới- Sáng tạo - Hội nhập	MHTH
31	Vũ Thị Ngọc Lan	1977	ĐHSP	GV 5A2 + Phó Ban Ngoại giao; TV ban thư ký	
32	Vũ Thị Ngọc	1980	ĐHSP	GV 5A3 + thành viên ban thư ký, Thư ký HĐ	
33	Lê Thị Ngọc Chung	1981	ĐHSP	GV 5A4 + T.viên Ban Đôi mới - Sáng tạo - Hội nhập	
34	Nguyễn Thị Hoa	1968	ĐHSP	GV 5A5 + TV Ban ĐS-VH-TDĐT, công tác khuyến học	
35	Nguyễn Ngọc Thanh	1978	ĐHSP	GV 5A6 + Thành viên ban CSVC – ATTH – LĐVS.	
	Tổ chuyên biệt				
36	Nguyễn Thị Bích Thảo	1985	ĐHSP	Mỹ thuật – TTCM, HĐ GD nghệ thuật, trải nghiệm vẽ trên giá vẽ; P trưởng ban, phụ trách tiểu ban 3: PT Trang trí Khánh tiết	
37	Ngô Thị Hồng Thắm	1987	ĐHSP	Tiếng Trung; TV: Ban Ngoại giao + PT tin bài toàn trường	
38	Hà Kim Phượng	1989	ĐHSP	TA+ BDHSNK; Dự giờ GV NN, HS giới thiệu bằng TA; Phó Ban Đôi mới - Sáng tạo - Hội nhập.	
39	Lê Thị Bích Ngọc	1977	ĐHSP	TA+ BDHS NK; Dự giờ GV NN, HS giới thiệu bằng TA, TV: Ban Đôi mới - Sáng tạo - Hội nhập	
40	Trần Thị Tuyết	1967	CĐSP	TA+BDHS NK; Dự giờ GV NN, HS giới thiệu bằng TA, TV : Ban CSVC - An toàn trường học	
41	Đặng Ngọc Giang	1985	ĐHSP	HĐ GD AN + Văn nghệ + Quản trị trang fanpage, TV: Ban Đôi mới - Sáng tạo - Hội nhập + Ban CSVC - An toàn trường học	
42	Lưu Thanh Tâm	1979	ĐHSP	Dạy AN; Tổng phụ trách Đội; Phó Ban Đời sống VH-VN-TDĐT	
43	Nguyễn Mạnh Dũng	1985	ĐHSP	Tin học + QT trang Web + Phó Ban Đôi mới - Sáng tạo - Hội nhập: Quản trị mạng + Quay, chụp ảnh, làm video, băng đĩa hình + chuyển đổi số, các biểu thống kê trên các phần mềm.	
44	Vũ Tiến Lâm	1988	ĐHSP	Thê dục, TV: Ban CSVC - An toàn trường học + P trưởng ban, phụ trách tiểu ban 2: công tác bảo quản và sử dụng các thiết bị điện tử	
45	Nguyễn Công Hưng	1978	ĐHSP	Dạy Thê dục, hỗ trợ các phần mềm	
	Tổ văn phòng				
45	Phạm Thị Nga	1969	TCKT	Văn thư - Hành chính	TV: Ban Đời sống - Văn hoá - VN-TDĐT
46	Lê Thị Nga	1982	ĐH KT	Kế toán	Phó ban Ban Đời sống- VH-VN-TDT
47	Trần Thị Hồng	1985	ĐH KT	TTVP, Nhân viên thư viện	Trưởng ban Đời

	Quyên				sông - Văn hoá - VN-TDĐT; Phó Ban Thư kí
48	Nguyễn Thị Minh	1991	TC YS	Phụ trách công tác y tế trường học; chăm sóc sức khỏe cho CBGVNV, học sinh.	TV: Ban Đồi sông - Văn hoá - VN-TDĐT

4.3. Nhóm giải pháp đào tạo, bồi dưỡng

- Động viên GV, NV đi học tập nâng cao trình độ theo lộ trình hướng dẫn tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP

- Triển khai hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, NV, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trên cơ sở khảo sát nhu cầu, yêu cầu thực tiễn;

TT	Nội dung/ hoạt động BD	Thời gian	Địa điểm	Người phụ trách/ tham gia	Kết quả cần đạt	Cách thực hiện	Ghi chú
1	BD về công nghệ thông tin cho GV, CBQL (lớp học thông minh, lớp học kết nối,...); bồi dưỡng Ứng dụng CNTT cho nhân viên	Đầu năm học	Tại trường	Ban UDCNTT và chuyên đôi số; Giáo viên Tin học của nhà trường; GV, CBQL, NV;	80% GV, NV, CBQL thành thạo trong ứng dụng CNTT vào dạy học và trong công việc;	Tổ chức chuyên đề cấp trường; vận dụng trong dạy học trong công việc của GV, NV, CBQL;	
2	Bồi dưỡng về phương pháp, kĩ thuật dạy-học hiện đại cho GV, CBQL: GVI, sơ đồ tư duy,...	Trong cả năm học	Tại trường; nhóm trường Hội nhập trong Thành phố;	Ban Chuyên môn, Tổ cốt cán cấp trường; GV, CBQL	100% GV, CBQL ứng dụng CNTT trong dạy học	Tổ chức Chuyên đề cấp trường, cấp TP; tích cực dự giờ đồng nghiệp; tổ cốt cán dự giờ GV để bồi dưỡng trực tiếp;	
3	Bồi dưỡng về khả năng sử dụng một số câu giao tiếp đơn giản bằng tiếng Anh cho	Trong cả năm học	Tại trường; tại một số Trung tâm	Giáo viên dạy Tiếng Anh của nhà trường; một số	GV, NV, CBQL giao tiếp được một số câu đơn giản thông thường bằng	Tổ chức hướng dẫn cụ thể ND học tập tới từng GV, NV, CBQL	

	GV,NV, CBQL;		ngoại ngữ trên địa bàn TP Lào Cai;	Trung tâm ngoại ngữ; GV,NV, CBQL;	tiếng Anh; 100% CB,GV, tự học trên phần mềm	ngay từ đầu năm; để 15 phút đầu giờ mỗi buổi họp HĐ hoặc họp CM để giao tiếp bằng tiếng Anh;	
4	Bồi dưỡng cho GV,NV,CBQL kỹ năng truyền cảm hứng, tạo động lực cho người học;	Đầu năm học	Tại trường; cụm trường	BGH; mời chuyên gia về phương pháp GD; GV, NV	90% GV,CBQL có kỹ năng truyền cảm hứng trong công việc cho người khác;	Mời chuyên gia lên tập huấn; tổ chức chuyên đề cấp trường;	
5	Bồi dưỡng GV, CBQL về dạy học theo CTGDPT 2018;	Trong cả năm học;	Tại trường, tại Phòng GD&ĐT	Cột cán cấp tỉnh, cấp TP, cấp trường; GV, CBQL	100% GV, CBQL thực hiện có hiệu quả việc dạy học và giáo dục học sinh lớp 1theo CTGDPT 2018; 100% học sinh học tập tốt;	Tập huấn cấp tỉnh, cấp TP, cấp trường cho toàn thể GV, CBQL; tổ chức các chuyên đề dạy học cấp TP, cấp trường;	

- Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường tạo môi trường phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng CTGDPT 2018;

4.4. Nhóm giải pháp tạo động lực làm việc cho đội ngũ CBQL, GV, NV

- Phân công chuyên môn hợp lý cho CBQL, GV, NV đáp ứng yêu cầu CTGDPT 2018;

- Thường xuyên bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV, NV, CBQL đáp ứng CTGDPT 2018;

- Thường xuyên động viên, khích lệ CBQL, GV, NV trong việc thực hiện nhiệm vụ; xây dựng chính sách khen thưởng, hỗ trợ kịp thời GV BD HS đạt giải, dạy chuyên đề cấp trường, TP và cấp tỉnh, tham gia GV dạy giỏi cấp TP, cấp tỉnh;

- Tổ chức cho CBQL, GV, NV đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại một số trường học hiện đại trong tỉnh, một số tỉnh bạn, đặc biệt học hỏi những trường trong TP, các trường THCS có chất lượng tốt như LQĐ, Lý Tự Trọng.

- Tạo bầu không khí làm việc cởi mở, tích cực, dân chủ; khơi gợi sự sáng tạo trong công việc của GV, NV, CBQL;

- Khen thưởng kịp thời những CBQL, GV, NV có thành tích nổi trội và nhân rộng điển hình tiên tiến.

- GV có năng lực xây dựng quy hoạch vào vị trí TTCM, CBQL giai đoạn tiếp theo.

4.5. Nhóm giải pháp kiểm tra, đánh giá kết quả làm việc của CBQL, GV, NV

- Kiểm tra, đánh giá kết quả làm việc của GV, NV, CBQL đảm bảo công bằng, khách quan, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng tạo động lực làm việc;

- Sau mỗi lần kiểm tra, đánh giá có giải pháp điều chỉnh, khắc phục, bổ sung để đưa ra giải pháp đạt hiệu quả cao nhất;

- Đánh giá, xếp loại CBQL, GV, NV cuối kỳ, cuối năm học công bằng, chính xác, đúng người, đúng việc góp phần tạo động lực làm việc cho tất cả mọi người;

- Sử dụng kết quả đánh giá, bố trí sắp xếp đội ngũ vào các vị trí làm việc phù hợp phát huy năng lực hơn nữa.

V. PHÂN BỐ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Xây dựng và phát triển đội ngũ

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá giỏi; có trình độ Tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Người phụ trách: Ban Giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn, tổ cốt cán;

- Tham mưu với các cấp để trẻ hóa đội ngũ, tuyển chọn giáo viên chuyên biệt có trình độ, có năng lực có sáng tạo đáp ứng môn mình phụ trách;

- Lấy tự học, tự rèn luyện theo chuẩn nghề nghiệp cấp học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và các phẩm chất của nhà giáo.

- Cử cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ, nghiệp vụ theo chuyên ngành.

- Ngoài việc CBGVNV tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, nhà trường mời các chuyên gia từ Hà Nội, Thành Phố Hồ Chí Minh lên tập huấn, bồi dưỡng cho CBGV nhà trường một số kỹ năng mềm, một số phương pháp dạy học hiện đại để phục vụ giảng dạy và giáo dục học sinh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

- Năm học 2022-2023 đủ phòng học cho 30/30 lớp đến 2027 duy trì 30/30 lớp, đủ các phòng chức năng theo quy định trường chuẩn quốc gia mức độ 2; có 01 phòng học LAP STEM-Robotic;

- Tăng cường các trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại (bảng tương tác, lớp học thông minh), phù hợp với yêu cầu đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng dạy học phù hợp với yêu cầu hội nhập;

- Bố trí, trang trí không gian lớp học phù hợp, sáng tạo, từng bước hiện đại kích thích hứng thú học tập của học sinh.

- Duy trì môi trường nhà trường luôn “Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn-Thân thiện”

- Bổ sung các điều kiện để xây dựng **Thư viện điện tử** để nâng cao văn hóa đọc cho CBGVNV và học sinh;

- Xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá; bảo quản và sử dụng một cách hiệu quả, có giá trị sử dụng lâu dài.

VI. TỔ CHỨC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN

6.1. Phân công trách nhiệm thực hiện

- Hiệu trưởng:

+ Tổ chức việc thảo luận các lực lượng để xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ;
+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch; có đánh giá, rút kinh nghiệm sau từng kỳ, từng năm; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp, hiệu quả. Cha mẹ học sinh thường xuyên giám sát các hoạt động của nhà trường. Nhà trường thường xuyên lắng nghe tích cực, tiếp thu các ý kiến, đề xuất của CMHS trên cơ sở những ý kiến xây dựng để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ cho phù hợp, hiệu quả;

- Phó Hiệu trưởng: theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

- Trưởng các ban: theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

- Đối với Tổ trưởng chuyên môn: Tổ trưởng chuyên môn tự chủ xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ ở tổ, kế hoạch dựa trên cơ sở kế hoạch Phát triển đội ngũ của nhà trường; sử dụng SGK, tài liệu, thiết bị, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá HS...Bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn đảm bảo dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Đề xuất các giải pháp để thực hiện tốt kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

- Đối với cá nhân giáo viên, nhân viên:

Từng cá nhân, căn cứ kế hoạch phát triển đội ngũ của nhà trường để xây dựng kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ đào tạo cũng như trình độ chuyên môn theo từng năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, từng năm học.

Lưu ý: Trong quá trình thực hiện cần có minh chứng (*Biên bản, đánh giá tiến độ, kết quả...*)

6.2. Lộ trình thực hiện

***Giai đoạn 1: Từ năm 2022-2024:**

+ Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên để nâng cao chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh; CBGV học nâng chuẩn sau đại học đạt 10%;

+ Thực hiện đổi mới chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4; cơ bản GV (85%) có kỹ năng tuyên truyền tốt.

+ Thực hiện mô hình trường học chuẩn hóa, xã hội hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế;

+ Vận dụng tốt các phương pháp dạy học hiện đại, phương tiện, thiết bị dạy học tiên tiến – hiện đại;

+ Nâng cao các tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia mức độ II, Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3 và đề nghị công nhận lại trường chuẩn QG mức độ 2.

+ Sử dụng các phần mềm trong dạy học; sử dụng phần mềm để quản lý nhân sự, phổ cập GDTH, học bạ điện tử, phần mềm Kế toán,...bước đầu thực hiện chuyển đổi số.

+ Học sinh được học tăng cường tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài;

tăng cường tiếng Anh qua môn Toán, môn Khoa học. Rèn kỹ năng sống, tăng cường câu lạc bộ, các hoạt động trải nghiệm,... tạo cho học sinh cơ hội và rèn luyện phản xạ nghe nói và làm MC bằng tiếng Anh cho học sinh.

- + Có đoàn học sinh, giáo viên, CMHS đi học tập tại thành phố Hà Nội,...
- + Có phòng học trực tuyến;
- + Giáo viên phát huy hiệu quả mô hình lớp học thông minh, lớp học kết nối trực tuyến với các nước qua giờ học để tăng cường kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho học sinh.

*** Giai đoạn 2: Từ năm 2024-2027:**

+ Tỷ lệ GV, CBQL đạt trình độ đào tạo trên chuẩn đạt 15%; 5% dạy được song ngữ; 100% GV Tin dạy được Tin học Quốc tế IC3; GV TA đạt 6.5 trở lên.

- + 100% CBQL, GV, NV được bồi dưỡng ANQP đối tượng 3,4.
- + Thực hiện đổi mới chương trình GDPT 2018 đối với lớp 5.
- + Cơ bản GV có kỹ năng tuyên truyền tốt.
- + Nâng cao chất lượng toàn diện các hoạt động của trường theo chuẩn mới;
- + Nâng cao trình độ chuyên môn CBGVNV để đáp ứng với quy định trong Luật Giáo dục; đáp ứng yêu cầu mới của thời kỳ hội nhập. Thực hiện chuyển đổi số thành công.

+ Tăng cường dạy học trực tuyến; sử dụng hiệu quả công nghệ 4.0 trong dạy học và trong quản lý.

+ Thực hiện mô hình trường học chuẩn hóa, xã hội hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế;

6.3. Tiêu chí đánh giá: căn cứ vào tiêu chí đánh giá của cấp trên để xây dựng tiêu giá của nhà trường cho phù hợp, hiệu quả;

6.4. Chế độ thông tin, báo cáo: Thực hiện nội dung báo cáo định kỳ đảm bảo chính xác, đảm bảo thời gian và đúng quy định; báo cáo đột xuất đầy đủ thông tin một cách chính xác, kịp thời (nếu có).

Nơi nhận:

- PGD&ĐTTP (b/c);
- UBND phường Bắc Lệnh (b/c);
- CBQL, GV, NV (t/h);
- Lưu: VT, HSNT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Liên